

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **148/2018/HNGĐ-ST**.

Ngày: 19-7-2018.

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi
dưỡng con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ba.

2. Phạm Thị Như Sứy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị A, sinh năm 1994. *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Hữu T, sinh năm 1993. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Lê Thị A trình bày: Chị và anh Đinh Hữu T kết hôn vào ngày 09/01/2017, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, quan hệ hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có sự khác biệt trong cách sống, anh T hay nhậu nhẹt về gây gổ, chửi bới, đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết

được. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Đinh Minh T, sinh ngày 13/7/2017. Chị A yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chị A không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn - anh Đinh Hữu T trình bày: Anh thống nhất với chị A về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn như chị A đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh vẫn còn thương yêu vợ con nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Đinh Minh T, sinh ngày 13/7/2017.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị A được ly hôn với anh T và giao con chung cho chị A nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Minh T mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả hai vợ chồng nên yêu cầu của chị A là có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét; về nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh T tại thôn 1, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị A yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam ngày 09/01/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị A và anh T sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị A, nguyên nhân là do vợ chồng có sự khác biệt trong cách sống, anh T hay nhậu nhẹt về gây gỗ, chửi bới, đánh đập chị; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được và anh T cũng thừa nhận là đúng. Tại biên bản xác minh ngày 08/5/2018, UBND xã Q cung cấp: *“Trong quá trình chung sống, anh T và chị A xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ”*. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị A với anh T đã không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị A không thể hòa giải được làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Chị A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Anh T yêu cầu được đoàn tụ nên không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Q ngày 08/5/2018 thì chị A và anh T đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Chị A đang làm công nhân may và anh T làm nghề Cơ khí. Hiện nay, cháu T đang ở với chị A và chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu T cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Tại phiên tòa, chị A vẫn yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị A là hợp lý, có căn cứ nên áp dụng Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị A.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*”.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị A và anh Đinh Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Minh T, sinh ngày 13/7/2017 cho chị Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh Đinh Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị A phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006612 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đinh Hữu T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Q, huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Thế

